

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2025

THỜI KHÓA BIỂU  
Lớp: K58 - TC ĐIỀU HÀNH CHẠY TÀU HỎA 1(PN)  
Học tại phòng: P.303, Phòng tin học P.203

Áp dụng từ ngày 18/08/2025 đến ngày 30/8/2025 (2 tuần).

| Buổi | Thứ 2     |    |           | Thứ 3     |    |           | Thứ 4                 |    |          | Thứ 5   |    |         | Thứ 6              |    |           | Đã học                |    |    | Số giờ TKB |    | Còn lại |    | Tổng số giờ MH |    |    |
|------|-----------|----|-----------|-----------|----|-----------|-----------------------|----|----------|---------|----|---------|--------------------|----|-----------|-----------------------|----|----|------------|----|---------|----|----------------|----|----|
|      | Môn       | ST | GV        | Môn       | ST | GV        | Môn                   | ST | GV       | Môn     | ST | GV      | Môn                | ST | GV        | Môn                   | LT | TH | LT         | TH | LT      | TH | LT             | TH | TC |
| S    | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Đường sắt thường thức | 4  | Cô Phụng |         |    |         | Tiếng anh          | 4  | Thầy Hoan | GD chính trị          | 0  | 0  | 8          | 0  | 7       | 15 | 15             | 15 | 30 |
|      |           |    |           |           |    |           |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           | Ngoại ngữ             | 0  | 0  | 24         | 0  | 6       | 60 | 30             | 60 | 90 |
|      |           |    |           |           |    |           |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           | Đường sắt thường thức | 0  | 0  | 4          | 0  | 21      | 5  | 25             | 5  | 30 |
| C    | Tin học   | 4  | Thầy Hà   |           |    |           | Tin học               | 4  | Thầy Hà  | Tin học | 4  | Thầy Hà | Giáo dục chính trị | 4  | Cô Loan   | Tin học               | 0  | 0  | 15         | 9  | 0       | 21 | 15             | 30 | 45 |

Áp dụng từ ngày 01/09/2025 đến ngày 06/9/2025 (1 tuần).

| Buổi | Thứ 2   |    |    | Thứ 3 |    |    | Thứ 4                 |    |          | Thứ 5   |    |         | Thứ 6              |    |           | Đã học                |    |    | Số giờ TKB |    | Còn lại |    | Tổng số giờ MH |    |    |
|------|---------|----|----|-------|----|----|-----------------------|----|----------|---------|----|---------|--------------------|----|-----------|-----------------------|----|----|------------|----|---------|----|----------------|----|----|
|      | Môn     | ST | GV | Môn   | ST | GV | Môn                   | ST | GV       | Môn     | ST | GV      | Môn                | ST | GV        | Môn                   | LT | TH | LT         | TH | LT      | TH | LT             | TH | TC |
| S    | Nghỉ lễ |    |    |       |    |    | Đường sắt thường thức | 4  | Cô Phụng |         |    |         | Tiếng anh          | 4  | Thầy Hoan | GD chính trị          | 8  | 0  | 4          | 0  | 3       | 15 | 15             | 15 | 30 |
|      |         |    |    |       |    |    |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           | Ngoại ngữ             | 24 | 0  | 4          | 0  | 2       | 60 | 30             | 60 | 90 |
|      |         |    |    |       |    |    |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           | Đường sắt thường thức | 4  | 0  | 4          | 0  | 17      | 5  | 25             | 5  | 30 |
| C    |         |    |    |       |    |    | Tin học               | 4  | Thầy Hà  | Tin học | 4  | Thầy Hà | Giáo dục chính trị | 4  | Cô Loan   | Tin học               | 15 | 9  | 0          | 8  | 0       | 13 | 15             | 30 | 45 |

Áp dụng từ ngày 08/09/2025 đến ngày 13/9/2025 (1 tuần).

| Buổi | Thứ 2     |    |           | Thứ 3     |    |           | Thứ 4                 |    |          | Thứ 5   |    |         | Thứ 6              |    |           | Đã học                |    |    | Số giờ TKB |    | Còn lại |    | Tổng số giờ MH |    |    |
|------|-----------|----|-----------|-----------|----|-----------|-----------------------|----|----------|---------|----|---------|--------------------|----|-----------|-----------------------|----|----|------------|----|---------|----|----------------|----|----|
|      | Môn       | ST | GV        | Môn       | ST | GV        | Môn                   | ST | GV       | Môn     | ST | GV      | Môn                | ST | GV        | Môn                   | LT | TH | LT         | TH | LT      | TH | LT             | TH | TC |
|      |           |    |           |           |    |           |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           |                       |    |    |            |    |         |    |                |    |    |
| S    | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Đường sắt thường thức | 4  | Cô Phụng |         |    |         | Tiếng anh          | 4  | Thầy Hoan | GD chính trị          | 12 | 0  | 3          | 1  | 0       | 14 | 15             | 15 | 30 |
|      |           |    |           |           |    |           |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           | Ngoại ngữ             | 24 | 0  | 6          | 6  | 0       | 54 | 30             | 60 | 90 |
|      |           |    |           |           |    |           |                       |    |          |         |    |         |                    |    |           | Đường sắt thường thức | 8  | 0  | 4          | 0  | 13      | 5  | 25             | 5  | 30 |
| C    | Tin học   | 4  | Thầy Hà   |           |    |           | Tin học               | 4  | Thầy Hà  | Tin học | 5  | Thầy Hà | Giáo dục chính trị | 4  | Cô Loan   | Tin học               | 15 | 17 | 0          | 13 | 0       | 0  | 15             | 30 | 45 |

Áp dụng từ ngày 15/09/2025 đến ngày 20/9/2025 (1 tuần).

| Buổi | Thứ 2                                   |    |           | Thứ 3     |    |           | Thứ 4                                   |    |           | Thứ 5                 |    |          | Thứ 6              |    |           | Đã học                                  |    |    | Số giờ TKB |    | Còn lại |    | Tổng số giờ MH |    |    |
|------|-----------------------------------------|----|-----------|-----------|----|-----------|-----------------------------------------|----|-----------|-----------------------|----|----------|--------------------|----|-----------|-----------------------------------------|----|----|------------|----|---------|----|----------------|----|----|
|      | Môn                                     | ST | GV        | Môn       | ST | GV        | Môn                                     | ST | GV        | Môn                   | ST | GV       | Môn                | ST | GV        | Môn                                     | LT | TH | LT         | TH | LT      | TH | LT             | TH | TC |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |                       |    |          |                    |    |           |                                         |    |    |            |    |         |    |                |    |    |
| S    | Tiếng anh                               | 4  | Thầy Hoan | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Đường sắt thường thức                   | 4  | Cô Phụng  |                       |    |          | Tiếng anh          | 4  | Thầy Hoan | GD chính trị                            | 15 | 1  | 0          | 4  | 0       | 10 | 15             | 15 | 30 |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |                       |    |          |                    |    |           | Ngoại ngữ                               | 30 | 6  | 0          | 12 | 0       | 42 | 30             | 60 | 90 |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |                       |    |          |                    |    |           | Đường sắt thường thức                   | 12 | 0  | 8          | 0  | 5       | 5  | 25             | 5  | 30 |
| C    | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 4  | Thầy Hiệp |           |    |           | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 4  | Thầy Hiệp | Đường sắt thường thức | 4  | Cô Phụng | Giáo dục chính trị | 4  | Cô Loan   | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 0  | 0  | 8          | 0  | 19      | 18 | 27             | 18 | 45 |

Áp dụng từ ngày 22/09/2025 đến ngày 27/9/2025 (1 tuần).

| Buổi | Thứ 2                                   |    |           | Thứ 3     |    |           | Thứ 4                                   |    |           | Thứ 5                 |    |          | Thứ 6              |    |           | Đã học                                  |    |    | Số giờ TKB |    | Còn lại |    | Tổng số giờ MH |    |    |
|------|-----------------------------------------|----|-----------|-----------|----|-----------|-----------------------------------------|----|-----------|-----------------------|----|----------|--------------------|----|-----------|-----------------------------------------|----|----|------------|----|---------|----|----------------|----|----|
|      | Môn                                     | ST | GV        | Môn       | ST | GV        | Môn                                     | ST | GV        | Môn                   | ST | GV       | Môn                | ST | GV        |                                         |    |    |            |    |         |    |                |    |    |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |                       |    |          |                    |    |           | Môn                                     | LT | TH | LT         | TH | LT      | TH | LT             | TH | TC |
| S    | Tiếng anh                               | 4  | Thầy Hoan | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Đường sắt thường thức                   | 4  | Cô Phụng  |                       |    |          | Tiếng anh          | 4  | Thầy Hoan | GD chính trị                            | 15 | 5  | 0          | 4  | 0       | 6  | 15             | 15 | 30 |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |                       |    |          |                    |    |           | Ngoại ngữ                               | 30 | 18 | 0          | 12 | 0       | 30 | 30             | 60 | 90 |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |                       |    |          |                    |    |           | Đường sắt thường thức                   | 20 | 0  | 5          | 3  | 0       | 2  | 25             | 5  | 30 |
| C    | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 4  | Thầy Hiệp |           |    |           | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 4  | Thầy Hiệp | Đường sắt thường thức | 4  | Cô Phụng | Giáo dục chính trị | 4  | Cô Loan   | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 8  | 0  | 8          | 0  | 11      | 18 | 27             | 18 | 45 |

Áp dụng từ ngày 29/09/2025 đến ngày 04/10/2025 (1 tuần).

| Buổi | Thứ 2                                   |    |           | Thứ 3     |    |           | Thứ 4                                   |    |           | Thứ 5 |    |    | Thứ 6              |    |           | Đã học                                  |    |    | Số giờ TKB |    | Còn lại |    | Tổng số giờ MH |    |    |
|------|-----------------------------------------|----|-----------|-----------|----|-----------|-----------------------------------------|----|-----------|-------|----|----|--------------------|----|-----------|-----------------------------------------|----|----|------------|----|---------|----|----------------|----|----|
|      | Môn                                     | ST | GV        | Môn       | ST | GV        | Môn                                     | ST | GV        | Môn   | ST | GV | Môn                | ST | GV        |                                         |    |    |            |    |         |    |                |    |    |
|      | Môn                                     | LT | TH        | LT        | TH | LT        | TH                                      | LT | TH        | TC    |    |    |                    |    |           |                                         |    |    |            |    |         |    |                |    |    |
| S    | Tiếng anh                               | 4  | Thầy Hoan | Tiếng anh | 4  | Thầy Hoan | Đường sắt thường thức                   | 2  | Cô Phụng  |       |    |    | Tiếng anh          | 4  | Thầy Hoan | GD chính trị                            | 15 | 9  | 0          | 4  | 0       | 2  | 15             | 15 | 30 |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |       |    |    |                    |    |           | Ngoại ngữ                               | 30 | 30 | 0          | 12 | 0       | 18 | 30             | 60 | 90 |
|      |                                         |    |           |           |    |           |                                         |    |           |       |    |    |                    |    |           | Đường sắt thường thức                   | 25 | 3  | 0          | 2  | 0       | 0  | 25             | 5  | 30 |
| C    | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 4  | Thầy Hiệp |           |    |           | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 4  | Thầy Hiệp |       |    |    | Giáo dục chính trị | 4  | Cô Loan   | Marketing trong ngành vận tải đường sắt | 16 | 0  | 8          | 0  | 3       | 18 | 27             | 18 | 45 |

Ghi chú:

- Lớp K58 - TC ĐHCT 1(PN) học môn tin học tại P.203.
- Lớp K58 - TC ĐHCT 1(PN) học môn còn lại tại phòng P.303
- Giáo viên nào đi công tác đột xuất, đề nghị Bộ môn chủ động bố trí GV khác dạy thay và báo phòng Đào tạo để theo dõi.

Nơi nhận:

- WEB, Thông báo HSSV;
- Sổ trực GS; Lưu ĐT.

PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN ĐÀO TẠO &QLHSSV

NGƯỜI LẬP

Trương Thành Trung

Nguyễn Thành Đông

24

8 0

4 0

15 9

24

12 0

8 0

15 17

24

15 1

12 0

15 30

24

15 5

20 0

8 0

24

15 9

25 3

16 0

24

15 13

25 5

24 0